

**CẨM NANG
CHỦ NGHĨA “Z”**

Thái Việt *Duy Khang*

Đề tri ân Thư-Ký Trưởng
Thái Dịch Lý Đông A
& các Chiến sĩ Duy Dân đã anh dũng hy sinh vì
Dân Tộc và Thắng Nghĩa.

Mục Lục

I/ Những Dòng Sứ về Thái Dịch Lý Đông A.

A/ Thân Thế

B/ Thư Mục

II/ Tổng Cương Chủ Nghĩa:

A/ Bối Cảnh Phát Sinh.

B/ Chủ Trương

C/ Đặc Thái

D/Tiêu Đích

E/ Duy Dân Học Thuật

G/ Chính Trị

H/ Giáo Dưỡng

I / Kinh Tế

K/ Cờ Duy Dân

L/ Đảng Ca

III/ Cách Đọc Tài Liệu của Thái Dịch Lý Đông A

IV/ Chú Thích Danh Từ Trong Tài Liệu của Thái Dịch Lý Đông A.

I/ Những Dòng SỬ về Thái Dịch LÝ ĐÔNG A

Dựa theo:

* “*Lý Đông A với Công Cuộc Cách Mạng Dân Tộc*” của Thái Hùng B, Mùa Hạ 1989 (4868 Tuổi Việt)

* Vô Ngã Phạm Khắc Hàm, “Triết Lý Lý Đông A, quyển 1”, bản thảo, 1997 (?).

*

A/ Thân Thế: Lý Đông A tên thật là Nguyễn Hữu Thanh sinh ngày 1 tháng 11 giờ Mùi năm Canh Thân (10/12/1920) tại làng Bối Cầu (Vôi), xã Yên Tập, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam (nơi sản sinh ra nhiều nhân vật văn học như Nguyễn Khuyến). Cụ thân sinh là Nguyễn Chi Phương hiệu Phương Tường. Năm lên 3 tuổi, anh đã đọc, viết thông thạo chữ quốc ngữ và đọc được nhiều chữ Nho do người cha giảng dạy. Năm lên 4 tuổi, cụ thân sinh nhờ một người cháu họ đã lớn tuổi vốn là thầy đồ, thầy đồ Khuê kèm anh học. Ông đồ Khuê kể lại: “Anh ấy thực là một thần đồng, trong vòng 8 tháng đã học hết chữ của tôi”. Lên 5 tuổi, anh học Pháp văn để thi vào lớp năm cấp tiểu học ngày nay ở tỉnh lỵ Hà Nam. Sau khi tốt nghiệp bằng cơ thủy (Certificate d'étude primaire Franco-indigène) anh không có ý dự thi tuyển vào hai trường Bảo Hộ (Bưởi) hay trung học Pháp Albert Sarraut, mà lên Hà Nội cốt để tìm sách đọc ở trung-ương thư viện và thư viện Viễn Đông Bác Cổ. Anh đã phát nguyện theo gót các nhà tiên bối, hiến trọn thân mình cho việc cứu dân, cứu nước. Lòng ái quốc chưa đủ, anh quyết tâm nghiên cứu để đưa ra một học thuyết cách mạng dân tộc làm phương châm chỉ đạo.

Anh trú tạo phố Sinh Từ, tối đi kèm trẻ tại tư gia, suốt ngày ở thư viện. Anh nhờ một người bạn lớn tuổi cùng trọ một nhà, dẫn anh vào thư viện và mượn những sách anh cần. Một số học sinh và sinh viên nhận thấy anh nhỏ xíu mà lại rất siêng năng lui tới thư viện, tò mò ngồi cùng bàn để xem anh đọc những loại sách nào. Do đó, việc mượn sách thư viện không còn khó khăn đối với anh nữa. Anh đọc đủ loại: khoa học, triết học, sử địa, chính trị, kinh tế, xã hội, văn nghệ,... Anh coi rất nhanh, có những bộ sách chỉ coi bảng mục lục rồi lướt qua các trang mà vẫn nắm được nội dung. Thư viện trung ương không đủ tài liệu về sử Việt, anh phải tìm vào Viễn Đông Bác Cổ học viện, hy vọng nơi đây có đủ tài liệu. Anh quan sát những di vật đào được từ đồ đá đẽo, đồ đá mài, đồ đồng, đồ gốm, các vũ khí cổ, anh tìm đọc những sách của các nhà bác học khảo cứu về văn minh Bắc Sơn, Đông Sơn giải thích về sự hiện diện của giống nòi Việt trên lưu vực sông Hồng và sông Mã. Anh không thỏa mãn với những giả thuyết thời đo, Theo anh, nòi giống Việt có một lịch sử lâu đời, nòi giống Việt đã có một nền văn minh. Theo anh, muốn mưu đồ sự nghiệp cứu quốc, tồn chủng phải tìm hiểu gốc tích của nòi giống, phải tiếp thu được cái di tích của tổ tiên, phải hiểu đời sống, cách sống của cha ông ra sao. Sức sống của chúng ta chính là sức tiềm tàng tích lũy của bao thế hệ đã qua, vạch ra được lộ tuyến chính trị đúng

đần cần phải hiểu cái nền tảng xã hội ngày nay, với tất cả các điều kiện văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội không để cho chúng ta trong con đường quốc tế tương lai, bắt chước những chủ nghĩa ngoại lai được.

Cuối năm 1934, anh dọn nhà từ phố Sinh Từ đến sống chung với mấy người bạn ở đường bờ sông (Quai Clémenceau) cho tiện đường đến Viễn Đông Bác Cổ Học Viện...

Trong đầu thập niên 30, sau khi đập tan được cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Pháp bắt đầu thay đổi chính sách cai trị. Họ mở thêm các trường Cao đẳng để sau khi các sinh viên tốt nghiệp được tuyển chọn vào các ngành cai trị. Mong ước của đa số thanh niên thời ấy là làm quan, lương bổng cao hậu. Một thiểu số trí thức cảm thấy cái nhục của dân vong quốc, không muốn uốn gối khom long, tìm sống bằng nghề tự do ưa thích nhất là nghề dạy học ở các tư thực...

Trong giới lãnh tụ cách mạng nước ta ở thời kỳ này, anh trẻ tuổi nhất, nhưng chí lại lớn vô cùng:

*“Đầu xanh học làm thánh
Được cả học làm vương
Vì muôn sinh chấp mảnh
Cho toại chí mười phương”
(Thánh Đông Ngâm)*

Đảng cách mạng D.D. , trên quá trình thành lập cũng giống như bất cứ một đảng cách mạng Việt nào, xuất phát từ một nhóm bạn bè thân nhau. Tiểu tổ hạch tâm đầu tiên họp ngày 15/9/1937, anh đứng ra tuyên thệ chịu trách nhiệm lãnh đạo đảng D.D. lấy bí danh là Thuần, bút danh là Thái Dịch – Lý Đông A. Các ủy viên khai sáng ngày này hầu hết đã khuất, như Tư Long, Thái Kim, Việt Bằng, Hoài Nam, Đỗ Khuê. Đồng chí Nguyễn Duy Mỹ tức Tư Long bị Việt Minh Cộng Sản ám sát tại ấp Thái Hà vào tháng Tư/1945. Đồng chí Việt Bằng bị giết ở Cao Bằng, cụ Đỗ Khuê chết bệnh năm 1946!

Lý Đông A là một trong 4 người đã tổ chức vụ khởi nghĩa chống Pháp tại Lạng Sơn (tháng 9, 10-1940) , với tư cách chính ủy Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội, bí danh Hoàng Lương. Khi cuộc khởi nghĩa bị thất bại, ông cùng một số đồng chí chạy sang Liễu Châu, Trung quốc.

Về cuộc khởi nghĩa Lạng Sơn, Phục Quốc quân lập bản doanh tại bản Tài Lài, bộ tư lệnh gồm có: Ô Trần Trung Lập chủ tịch, Hoàng Lương chính ủy, Đoàn Kiểm Điểm quân ủy, Ngô Ba quân lương, tài chánh. Khi cuộc khởi nghĩa thất bại, nghĩa quân chia làm ba toán di tản sang Tàu. Toán 1 do Ô Trần Trung Lập chỉ huy bị Pháp tiêu diệt gần hết trên đường đi. Số còn lại bị bắt, trong đó có ông Trần bị Pháp đem ra xử bắn tại sân bay Mai Phả, Lạng Sơn. Toán 2 do ông Hoàng Lương đưa thoát sang Tàu, năm sau được vào thụ huấn quân sự tại Liễu Châu Quân Học viện và tham gia quân đội Trung Quốc đánh Nhật. Năm 1945, tất cả đều xin giải ngũ để trở về Việt Nam. Toán 3 do Ô Từ Khắc Quỳ bí mật đưa về Hà Nội để hoạt động quốc nội. Bị nội phản, ông Quỳ và 5 đồng chí bị Pháp bắt và xử tử hình.

Tháng 11 năm 1943, Lý Đông A triệu tập hội nghị gồm các đồng chí đảng viên kỳ cựu, các trưởng quán cơ quan và một số cán bộ đã về nước như Việt Bằng, Thái Phong, Thái Năng, Thái Đức, Thái Tố,...quyết định thành lập Tổng Đảng Bộ của Việt Duy Dân đảng, anh được tôn làm Thư Ký trưởng. Bốn bản tuyên ngôn được phát hành ở thời kỳ này.

Năm 1945, sau hai trận đụng độ với Cộng sản tại Nga My (tháng 9/45) và Hòa Bình (tháng 4/1946), ông tuyên bố giải tán đảng và biệt tích từ đó.

Cụ Phan Thanh Long, một đồng chí của Lý Đông A cho biết:

Năm 1939, ông LDA có lên Trúc Lâm Yên Tử tu tập thiền định và đã chứng ngộ ở đây. Cuối năm 1940, sau cuộc khởi nghĩa Lạng Sơn, ông dẫn một số đồng chí sang Tàu, và trở lại Việt Nam vào năm 1943. Ông đặt cơ sở cách mạng tại Hòa Bình và Bắc Ninh. Mỗi khi về Hà Nội, ông thường tạm trú tại chùa Quán sứ và chùa Quảng Bá.

Để tóm kết phần tiểu sử, xin đăng lại bài “Tự Hào” của chính Lý Đông A:

Tự Hào

*Chàng thiếu niên trí thánh, hành chữ vương
Sinh ra đời gặp lúc đại nhiễu nường,
Dân muôn nhà trầm luân trong nước lửa,
Chàng thiếu niên gằm thét động bi thương.
Phấn hùng tâm gọt mài tìm lẽ sống,
Đặt tấm thân dày dạn giữa gió sương.
Ngày công thành hẹn trước như cứu chúa,
Cầm trong tay vận mệnh và kỷ cương.
Chàng thiếu niên gốc cháu con Hồng laic,
Máu nóng sôi, hồn nóng lửa Viêm phương.
Năm ngàn năm trong mạch sống chan chứa,
Hoa thiên tài bùng nở nức Đông Dương
Lòng trong trắng như vầng trời cao sáng,
Đức uy nghi tiên cách khác ai thường.
Tình yêu thương những ngày thiên mệnh sớm
Vì giống nòi trút lại chẳng tơ vương.
Vết phấn đấu như rồng bay tuyết cấn,
Tài lược thao cái thế có ai đương;
Lưỡi gươm thép quyết mở đường Vạn Thắng
Gồm một nhà trăm giởng Việt Kinh Dương.
Chàng thiếu niên rượu thần thơ lại thánh
Nét tâm đan mở miệng có văn chương.
Bước Duy Dân dòng Xuân Thu tha thiết,*

*Uống Năm Hồ, ngâm trăm thuở cương thường.
Trang bất tử bước chân hùng khảng khái,
Về hồn nhiên linh nhạc nẩy cung thương,
Thường than câu “Thiên hạ thù nhân khắp”
Thoắt xem mình đầu tóc đã pha sương!
Gánh tài tình tự hẹn thời mưa gió
Dẹp cuồng lan xây đắp cõi kim cương.
Thân lui về tiêu dao không ngày tháng,
Muôn ngàn đời tài tử nhất danh trường!
Chàng thiếu niên tự hào thân lẫn lộn,
Đáng cháu con Hồng Lạc mặt dương dương.
Chàng thét rượu mở tờ buông bút sử
Tự hào mình, mình hát, lại mình thương.
Rằng nghìn trước, nghìn sau, nghìn năm nữa,
Có ai cùng Thái Dịch hú hồn hương ?!*

(Trích Tự Hào – Thơ Thái Dịch – LĐA)

B/ Thư Mục của **Lý Đông A** Hay **Thư Mục về Chủ Nghĩa Duy Dân**

Bộ chủ nghĩa Duy Dân được gọi là “Đại Việt Duy Dân Chủ Nghĩa Quốc Sách Đại Cương Thảo Án Toàn Phò, gồm 4 bộ chính:

1- **Bộ Huấn** gồm 11 “Chu Tri Lục”. Bộ này chỉ đưa ra 10 Chu Tri Lục, vì Chu Tri Lục 10 với lý do đặc biệt chưa được đưa ra hiện nay.

2- **Bộ Nhã** gồm những bài văn xuôi dùng để hun đúc và nuôi dưỡng tinh-thần dân tộc. Cuốn “**Huyết Hoa**” đã gom được nhiều bài liên quan đến bộ sách này.

3- **Bộ Thông** gồm những bài thơ soạn ra để rèn luyện ý chí và khí phách Duy Dân. Đa số các bài được một số cán bộ Duy Dân đóng thành tập thơ “**Đạo Trường Ngâm**”.

4- **Bộ Mô** tức **Đại Việt Mô** viết về đấu tranh thực tiễn và kiến thiết cách mạng Duy Dân. Bộ Mô bao gồm 7 tập có tên ghi sau:

a- **Mở Quyển** dùng để huấn luyện cán bộ Duy Dân nắm được mạch sống của dân tộc ta từ ngàn xưa, thấy được sứ hồn của dân tộc trước khi vào con đường tranh đấu.

b- **Tổ Đảng** đề ra những nguyên tắc tổ chức và vận hành cơ cấu để tiến hành cuộc cách mạng. Tập này gồm 12 chương:

* Đảng Sách

- * Đảng Lược
- * Đảng Thể
- * Đảng Chế
- * Đảng Huấn
- * Đảng Hiến
- * Giáo Vận
- * Tuyên Truyền
- * Đảng Chiến
- * Quân Chính
- * Đảng Cơ
- * Đảng Công.

c- **Lập Học** đưa ra những công cụ tinh thần và kỹ thuật lập thành một học thuật được phò trợ bằng “văn ngữ học” để hoàn thành sự sống có văn hóa.

d- **Thiết Giáo** đưa ra những phương cách hữu hiệu để cách mạng Duy Dân đào tạo những con người đúng danh nghĩa “người” cho nòi giống.

e- **Kiến Quốc** đưa ra thiết kế sinh hoạt cho quốc dân Việt để nòi giống được sống còn, nối, tiến, hóa tiếp truyền dòng sống sử Việt xưa, nay và muôn đời sau.

f- **Đồng Nhân** sự cùng sống với người là nền tảng sinh hoạt của nhân loại. Tập này đặt vấn đề văn minh và lập quốc y tựa trên nền tảng chủng tộc, vì nòi giống là gốc của quốc dân và quốc dân là gốc của quốc gia.

g- **Giới Thiệu**, tập này giúp cán bộ hiểu thêm một cách dễ dàng về chủ nghĩa Nhân Chủ Duy Dân, nhất là hỗ trợ cho việc học tập bộ Huấn.

(Quyển Duy Nhân Cương Thường do nhà xuất bản Gió Đáy in năm 1969 tại Chợ Lớn là rút từ các tập: Cơ Năng, Cương Thường Duy Nhân, trong Kiến Quốc và Giáo Dưỡng Học Thuyết, Giáo Dưỡng Chế Độ, và Tu Dưỡng trong Thiết Giáo.)

Ngoài bốn bộ chính trên, còn thêm hai bộ:

1 - Thái Dịch Ngoại Thư gồm các tập viết về lịch sử Việt Nam như tập “**Duy Dân Việt Sử Thông Luận**”, các tập viết về triết học Duy Dân như “**Nền Triết Học Chính Thống Duy Dân**”, và các **tạp luận về Dịch Lý, Bình Giải Sấm Ký Dân Tộc**.

2- **Thái Dịch Bình Thư**, tập này không thấy xuất hiện, nhưng được một số cán bộ Duy Dân đồng thời với Thư Ký Trưởng Lý Đông A xác nhận là có.

A/ BỐI CẢNH PHÁT SINH :

* Sự thất bại ê-chè kiếp sống con người do những tư tưởng, chủ nghĩa thiên lệch (Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh,...)

* Thảm cảnh đọa đày của nòi giống Việt cùng các sắc dân khác và giai tầng bị áp bức, thúc đẩy một phản tỉnh sâu rộng.

* Sự tàn sát nhân loại do phát triển tối cao độ của khoa học đem phục vụ cho chiến tranh , phân chia theo tư tưởng thiên lệch. Do đó phát sinh một giác ngộ lớn lao của loài người.

B/ CHỦ TRƯỞNG :

* Đối với dân tộc Việt, lấy “Cứu quốc tồn chủng” làm cốt cán,

* Về tư tưởng, phản tỉnh chân ý nghĩa toàn diện của loài người.

* Lấy kiến thiết đời sống con người ở chính bản vị người. Vật-tâm-sinh thống nhất.

“...Con đường với phương hướng chính trị mỗi dân tộc đều do ánh sáng tự đáy hồn lịch sử tỏa ra chỉ nẻo, quy định hết cả vận mệnh và xuất lộ của mọi chính trị và cách mạng...”

“Hết thấy các chủ nghĩa, chế độ hay pháp luật đều từ nơi quốc dân mà sinh ra mới thích hợp, mới đúng chắc và thiết thực giải quyết những nhu yếu, hy vọng và lý tưởng của quốc dân...” (Việt ĐĐ Tuyên Ngôn)

“...Chủ nghĩa “Z” không vì cái xán lạn của mỗi phương trời rút lại cho một ánh hoàng hôn; cũng không vì cái cập lợi của mỗi thế lực thí bỏ một thìa cháo cúng, huyền hoặc mà cả gan bỏ cái lộ tuyến của dân tộc mình đem áp dụng một chủ nghĩa nào ra thành một chính cương rồi mong thực hiện nó ra một chế độ cho dân tộc...”

“Duy Dân đảng lấy sức lơi và nền tảng gốc 98% quốc dân ra làm chủ lực của quốc gia, nhưng không gạt sạt 2% quốc dân khác. Duy Dân nguyện vì toàn dân Việt mang hết sức ra cống hiến...”

“Lập trường dân tộc chân chính quyết không thể làm đuôi cho bất cứ một đế quốc chủ nghĩa nào để tưởng cầu thí bỏ cho một hứa hẹn độc lập hay “giả độc lập” nào. Vì thế, “Mặt Trận Gốc” nước nòi của nhân dân Việt phải tổ chức nên, quyết tâm nhắm hướng SỐNG, CÒN tự mình...”

C/ ĐẶC THÁI CHỦ NGHĨA “Z” :

* Đối với dân tộc Việt, lấy “Cứu Quốc Tồn Chủng” làm cốt cán.

* Trên tư tưởng, lấy giác ngộ triệt để các thiên lệch của các tư duy hiện tại để phản tỉnh chân ý nghĩa toàn diện của loài NGƯỜI.

* Lấy kiến thiết đời sống con người ở chính bản vị NGƯỜI, NGƯỜI hòa hợp Vật-Tâm-Sinh.

D/ TIÊU ĐÍCH:

- * Xã hội NGƯỜI lấy con NGƯỜI làm gốc.
- * Lấy TÍNH NGƯỜI y cứ cho tổ chức xã hội.
- * Làm cho con người tự nắm giữ được đời sống, sinh mệnh mình.
- * Tổ chức chính trị là phương kế tổ chức nhân sinh (sự sống cho con người).
- * Lấy kinh tế làm căn bản cho quyền lực NGƯỜI.
- * Lấy hôn nhân duy trì sinh tồn nòi giống, loài người.
- * Lấy giáo dục giác ngộ tự chủ con NGƯỜI.
- * Giải quyết đồng thời hòa hợp các phương diện: chính trị, kinh tế, giáo dục, hôn nhân.
- * Lập một nền dân chủ, nhân chủ, duy trì bằng công dân tầng chế và cơ năng hiến pháp.

E/ DUY DÂN HỌC THUẬT

*** Tam Duy: Nhiên - Nhân - Dân**

- 1- Con người: nhất nguyên, tuyệt đối.
- 2- Xã hội: Đa nguyên, tương đối.
- 3- Nhiên: Vô nguyên, đương nhiên.

*** Tam Nhân:**

- 1- Nhân bản phải là tối cao căn cứ.
- 2- Nhân tính phải là tối sơ suất phát. (4 tính: Nhu yếu tính, tự vệ tính, sắc tính và xã hội tính).
- 3- Nhân chủ phải là tối định tiền đề.

*** 4 chìa khóa của Thắng Nghĩa:**

Căn bản nghĩa: Tự nhiên-xã hội- và tư tưởng thống nhất.
Căn bản học: (Ba phạm trù tự nhiên-xã hội-tư tưởng thường hằng vận động thống nhất. Do đó khoa học, sử học, đạo học phải thống nhất.
Căn bản luận: Bản thức luận, nhận thức luận và phương pháp luận thống nhất.

Căn bản quan: Duy Tâm-Duy Vật-Duy Sinh thống nhất.

*** Quá Trình “Hỗ Tương Nguyên Nhân”:**

Ý tha

Động tha

Tự kỷ

Tự kỷ: tự thân, tự mình

Ý tha: Từ ngoài vào (như sức hút)

Động tha: vận động tự mình ra ngoài (sức đẩy).

* BIỆN CHỨNG DUY NHIÊN:

Cấu thức 5 điểm: (Theo tài liệu của Thái Phụng)

(* Đạo kỷ, tự kỷ nguyên nhân

(* Tinh thần (chất) và vật chất (lượng) hỗ tương nguyên nhân.

(* Vận động và kết hợp, hỗ tương nguyên nhân.

(* Bản vị và cơ năng hỗ tương nguyên nhân.

(* Hỗ tương nguyên nhân: Đạo kỷ.

[Huyết Hoa: Đạo kỷ = Tự kỷ nguyên nhân, Vận động và kết hợp là hỗ tương nguyên nhân, Bản vị và cơ năng là hỗ tương nguyên nhân, Hỗ tương nguyên nhân là tự kỷ nguyên nhân, Tự kỷ, ý tha hỗ tương vận động và kết hợp].

* BIỆN CHỨNG DUY NHÂN:

- Nhân vận động và phát triển theo hình xoáy tròn ốc có nút tết.

- Cấu thức 5 điểm (biện chứng duy nhiên) chi phối vận động và phát triển của nhân (Vận vật tương quan).

- Nhân khám phá ra 3 tầng chân lý: Vô nguyên đương nhiên – nhất nguyên tuyệt đối và đa nguyên, tương đối.

* BIỆN CHỨNG DUY DÂN:

- Các quy luật của biện chứng duy nhân chi phối mọi vận động và phát triển của duy dân.

- Xã hội duy dân với tự nhiên đối lập thống nhất.

- Cá thể với tập thể đối lập thống nhất- Bảo thủ và cấp tiến đối lập thống nhất.

- Động bao giờ cũng tìm về tĩnh. Dân luôn luôn tìm cách trở về nhân.

- Bản vị và cơ năng hỗ tương nguyên nhân.

* Lục dân:

Dân tộc độc lập

Dân văn sáng hóa

Chỉnh sức dân trị

Dân vực trọn vẹn

Dân đạo phát dương

Quảng đại dân sinh.

G/ CHÍNH TRỊ :

* Định nghĩa: Chính trị là thiết kế và chấp hành nhân sinh lấy giáo dục làm khởi điểm và là chung điểm.

Chủ trương “2 tầng 3 mặt”: Đả phá đi đôi với xây dựng - Triệt để, toàn diện và hướng thượng.

* **Cơ Năng Hiến Pháp**. (Đan quyền)

* Phân mệnh (Quốc tế bản vị) Tam nhân chủ nghĩa.

* Phân công (dân sinh bản vị): Lục dân chính sách.

* Phân lợi (nhân cách bản vị) : Toàn dân sinh chính trị, toàn dân quân quốc dân giáo dưỡng.

Tổ Chức và Áp Dụng:

- Quân điền cho nông nghiệp
- Lương bổng (minimum salary)
- Thuế má
- Quốc doanh
- Ngân hàng
- Cải tạo thiên nhiên
- Phân phối dân số.

* **Cơ Năng Tổ chức**: (10)

- Chính trị tối cao quyền lực: Quốc dân đại hội, đại biểu tối cao quyền lực: Tham chính đại hội.

- Chính trị quyết định: Quốc dân khu mật viện.

- Chính trị thiết kế: Lập pháp viện.

- Chính trị chấp hành: Hành chính viện (9 bộ)

- Quốc dân công lý: Tư pháp viện.

- Chính trị bồi dưỡng: Quan chính viện. (Tam phối, tứ công)

- Chính trị tư cách: Khảo thí viện.

- Chính trị cương kỷ: Giám sát viện.

- Chính trị khai xúc tiến: Tổng văn hóa viện

- Chính trị khai minh: Chính trị phê phán viện.

H/ GIÁO DƯỠNG:

* Chủ đích: Thiên cụ cho đời sông cá nhân và xã hội.

Khoa học - Sử học - Đạo học thống nhất

Xã hội - vũ trụ - tư tưởng thống nhất.

* 4 Nguyên tắc: Toàn thể tính, bình đẳng tính, trách vụ tính và tổ chức tính.

* 4 Khoa mục: Đạo lý, chính trị, quân sự, kinh tế.

* 4 ngành giáo: Kỹ nghệ, quản lý - văn xã- thể dục - khoa học.

* 4 nhiệm vụ: Bảo tồn bản thân, Đủ nghị lực, Phẩm hạnh, Đủ khả năng.

* 6 Sinh Hoạt Học Đường:

- Thể cách vững mạnh
- Tổ quốc, chính nghĩa
- Có phong thái
- Chính trị, kinh tế
- Y chiếu vào lý tưởng & mục đích của dân tộc.
- Đạt tới độc lập, tự do, thẳng tiến, tự chủ.

I/ KINH TẾ : Quốc dân tư bản xã hội hóa kiến thiết

- * Tán Dục (Tán thiên địa chi hóa dục)
- * Kiến chế
- * Bình sản, tư hữu
- * Tứ công: Công bản, công lao, công phối, công độ.
- * Tam phân: Phân mệnh, phân công và phân lợi.

K/ CỜ DUY DÂN

(Dựa theo tài liệu của Thái Phụng viết ngày 12/4/92)

* Hình Dáng:

Hình chữ nhật, chiều dọc bằng 2/3 chiều ngang. Ở phía trên góc bên trái (sát cán cờ), có một khoảng chữ nhật nền đỏ, chiều ngang bằng 1/3 chiều ngang lá cờ; chiều dọc chiếm 4 vạch đỏ. Trên nền đỏ của hình chữ nhật này có hình Rồng cánh Phụng (còn gọi là cánh Tiên, màu trắng và 3 ngôi sao 5 cánh cũng màu trắng. Hai sao đặt bên trái hình Rồng và 1 sao ở bên phải lập thành một thế tam giác. Ngôi sao bên trái to nhất ở vị trí ngang đầu Rồng là sao Việt, hai sao còn lại bằng nhau và nhỏ hơn sao Việt (8/10) ở hai bên đầu nét ngang cánh Phụng là sao Hôm và sao Mai. Ngôi sao bên ở dưới nét ngang cánh Phụng, theo đường thẳng đứng với sao Việt, còn ngôi sao bên phải ở lấp lửng đầu nét ngang cánh Phụng. Đôi cánh Phụng trắng, hơi chênh lệch từ trái sang phải. Ở giữa thân Rồng, cánh Phụng có cánh trái vươn lên, cánh phải hơi chúc xuống. Hình Rồng cánh Phụng trông giống như chữ Vạn hay chữ Thập, nên gọi là Vạn Việt hay Thập Việt.

7 vạch đỏ song song xen kẽ với 6 vạch trắng, bề dọc mỗi vạch bằng 1/13 chiều dọc lá cờ.

* Ý Nghĩa:

a/ Màu Sắc:

* Màu đỏ là màu máu lửa, chỉ nắng lửa Viêm Phương (Lưỡng hỏa thành viêm = . Viêm : hơi lửa, chỉ phương Nam. Ý nói lên Viêm Việt đã có một nền văn minh xán lạn khắp phương Nam. Màu đỏ còn tượng trưng cho sức mạnh đấu tranh của nòi Việt.

* Màu trắng biểu hiện ánh sáng văn minh tỏa ra khắp nơi. Màu trắng thường làm nền cho các màu nên tượng trưng tính thanh khiết, lòng tao nhã, óc bao dung của nòi Việt.

b/ Các hình:

* Hình Rồng cánh Phượng (hoặc cánh Tiên)

Rồng biểu tượng cho sức mạnh (lúc động, khi bay bổng, làm mưa làm gió trên không trung), sức nhẫn nại ẩn tàng đầy phong độ của người ẩn dật.

Phượng biểu tượng sự cao sang, tinh khiết, văn vẻ.

Tiên biểu tượng thanh cao, nhân ái, tươi vui và trường tồn.

Hình Rồng cánh Phượng là biểu tượng Tiên Rồng, vật tổ của nòi Việt.

Đầu Rồng nhìn ra biển Đông (Đại Nam Hải) hướng về các nước Phi-Luật Tân, Mã Lai, đuôi Rồng quay sang phía Tây, tỏa ánh sáng ra các nước Lào, Thái, Miên; còn thân Rồng uốn cong hình chữ S tượng trưng bờ biển nước Việt, trông vào biển Đông, bao lớn Thái Bình Dương, chiếm vị trí trung tâm vùng Đông Nam Á, tỏa ánh sáng văn minh ra khắp bốn phương, hợp các nước cùng dòng dõi thành một liên bang chặt chẽ (Liên Bang Đại Nam Hải).

* Ba Ngôi Sao:

Sao lớn nhất là sao Việt, đứng trên hai sao Hôm và Mai (tuy 2 mà là 1), biểu tượng sự vận hành của trời đất, làm nổi bật ý nghĩa “Tự Kỷ Nguyên Nhân, là vô sai biệt phạm trù”. Ba sao cũng biểu hiệu cho 3 nguyên tắc căn bản là NHÂN BẢN, NHÂN TÍNH VÀ NHÂN CHỦ.

* Sáu Vạch Trắng:

Sáu vạch nhắc nhở 6 nguyên tắc của Duy Dân Kiến Thiết: Dân tộc, dân đạo, dân sinh, dân văn, dân trí, dân vực (Lục Dân).

* 7 Vạch đỏ: Tượng trưng cho lửa Viêm chiếu sáng khắp Đại Nam Hải (kết hợp các nước trong vùng thành Liên Bang Đại Nam Hải).

GHI CHÚ: Theo Ô. Thái Phượng, ủy viên Trung Ương Đảng 1945: “Lá cờ thứ nhất xuất hiện tại quốc nội 1942 đến tháng 9/1945, hình chữ nhật sát cán cờ có nền xanh da trời, đầu và đuôi rồng khá phức tạp, đôi cánh phượng giống như lá cờ hiện tại, còn **3 ngôi sao tất cả đều ở bên phải thân Rồng theo đường thẳng đứng** (Sao Việt lớn hơn đặt ở trên cùng).

Mùa Thu năm 1945, một tiểu ban được thành lập để sửa đổi lá cờ theo chỉ thị của Tối Cao Thủ Ký Trưởng. Vì có sự trục trặc về liên lạc nên có hai lá cờ xuất hiện từ tháng 10/1945:

a/ Lá cờ của chi bộ Hà Đông như lá cờ mô tả ở trên.

b/ Lá cờ của chi bộ Thăng Long (và nhiều chi bộ khác): **Hai cánh phượng cùng cụp xuống**. Lá cờ này đã được treo trong “Lễ Truy Diệu” Thái Kim và các đồng

chí Duy Dân hy sinh vì Tổ Quốc vào cuối tháng 10/45 do Tối Cao Thủ Ký Trưởng chủ tọa. Sau đó TCTKT cho chỉ thị sửa lại đôi cánh phượng giống như lá cờ của chi bộ Hà Đông.

L/ ĐẢNG CA:

Lời ca: Đại Nam Hải Bách Việt Ca

Nắng Viêm chan hòa suốt cõi Đại Nam Hải sáng và tươi
Máu Rồng Tiên pha với trăm giống dòng
Cùng gốc xưa đất cũ, văn hóa Môn
Đứng lên! Anh em nòi, đứng lên phục Tổ Hồn, cùng thân ái dang tay
cùng đấu tranh.
Đứng lên! Việt, Thái, Miên, Lào, Mường, Mã Lai, Pa-Pou, Chàm, Ngái,
Tày, Phi-Líp-Pin
Hãy đứng lên! Lấy sống, còn, tiến, nổi, hóa chung muôn ngàn năm
Xua đuổi hết xâm lược, đè nén và khi lãng
Đứng lên họp lại cùng sống chung, tiến liên phòng
Đồng đảng trên mặt trận Duy Dân vẻ vang

Hoàn thành Đại Nam Hải Cộng Hòa Liên Bang

Đứng lên: Việt, Thái, Mèo, Miên, Lào, Mường, Mã Lai, Pa-pou, Chàm, Ngải, Tày, Phi-Líp-Pin!

Hãy đứng lên! Máu sôi như sóng dồn dòng sóng đá
Máu hun đúc thành văn-minh sắt
Rửa thù cha, mở mày cháu con
Cõi Đông Á một khối vuông tròn muôn ngàn năm.

Ghi chú:

Bài “Đại Nam Hải Bách Việt Ca là đảng ca, tượng trưng tinh thần tranh đấu của đảng, nên:

- 1- Chỉ hát hay cử nhạc khi cần thiết (hội họp hay ngày lễ của Đảng, v.v...)
- 2- Khi nghe thấy lời ca hay điệu nhạc, tất cả các đảng viên Duy Dân phải lập chính (đứng nghiêm). Trong những trường hợp bất khả kháng, các đảng viên cũng phải giữ thái độ nghiêm trang (Khí tự và khí tâm trong tâm hồn, thể hiện trên nét mày).
- 3- Cấm ngắt hát hay cử nhạc trong những lúc, những nơi không thích hợp, hay cho những người không đủ tư cách nghe.

III/ Cách Đọc Tài Liệu của THÁI DỊCH LÝ ĐÔNG A

Phạm Khắc Hàm

A/ Các khó-khăn khi đọc tài liệu của Lý Đông A:

Quả thực muốn đi vào văn học Lý Đông A, ngoài tính kiên nhẫn, còn cần phải nắm được một vài kỹ thuật đọc . Văn của Lý Đông A tiên sinh khó đọc vì ba lý do chính:

- 1- Sử dụng thuật ngữ mới.
- 2- Hành văn quá súc tích.
- 3- Việc soạn thảo quá gấp rút.

Để giải tỏa những khúc mắc này, xin lần lượt bàn luận như sau:

Thuật ngữ mới: Triết học Đông Phương đã được khai triển và hoàn thành từ hai ngàn năm trước, và nắm gần như trọn vẹn trong các tác phẩm cổ điển: Tứ thư, ngũ kinh, Bách gia chư tử..., kinh vệ Đà, Áo Nghĩa Thư của Ấn Độ, Tam Tạng kinh điển của Phật giáo. Vì thế thuật ngữ chuyên môn của triết Đông đối với ta không có gì xa lạ. Trái lại triết Tây luôn luôn ở trong tình trạng đang hình thành với những chương mới viết chưa khô mực. Thực tế, các triết gia Tây phương luôn luôn đi tìm những đề tài mới, những ý kiến mới....Và cái mà họ diễn tả là những vùng đất hoang vu của trí thức với những kỳ hoa dị thảo không có tên để gọi. Đó là lý do mà Anaximander, Anaximenes, Paemenides,.....thời cổ Hy Lạp tới Kant, Husserl, Kierkegaard... .thời hiện đại, mỗi triết gia lại phải chế tạo ra một ngữ vựng để riêng mình sử dụng. Đặc biệt là Heidegger.

Lý Tiên sinh có điểm tương đồng với các triết gia Tây phương ở chỗ Ông cũng rời bỏ các đường mòn để khai phá những lãnh vực hoang sơ của tư tưởng. Vì thế, cũng như các triết gia Tây phương, Lý tiên sinh cũng phải chế tạo ra một số ngữ vựng riêng để diễn tả các khám phá của mình. Đó là lý do thứ nhất mà sách của Ông khó đọc.

Bút pháp Lý Đông A quá súc tích:

Để bàn một cách cụ thể, chúng ta hãy nghiên cứu bút pháp trong “Chu Tri Lục” 6, ở đây ta thấy các từ ngữ Lý tiên sinh dùng rất chính xác, mạch lạc và trọn vẹn trong những câu văn thường quá tóm gọn. Đây là nguyên nhân thứ hai làm cho khó đọc.

(phương châm)	(tìm dò)	
HỌC (phương thức)	(giải thích)	sự thực
(phương pháp)	(nắm giữ)	

Phương châm = tóm gọn ý nghĩa triết học.

Phương thức = đồ án thể hiện ý nghĩa triết học.

Phương pháp = những bước cụ thể để thực hiện đồ án. Thực vậy, việc tìm dò, giải thích, name giữ, và vận dụng là 4 giai đoạn kế tiếp nhau của mọi công cuộc nghiên cứu, trong đó có nghiên cứu khoa học.

Với cách viết khúc triết, minh bạch, đầy đủ nhưng lần này rất cô đọng, Lý tiên sinh viết: “Từ nay không có sự phân chia sử học, khoa học và triết học. Không có sử học phương, không có khoa học phương, không có triết học phương nữa.” Chữ phương ở đây là sự rút ngắn 3 chữ: “phương châm, phương thức và phương pháp”.

Cách vượt khó khăn do câu văn quá súc tích:

Để giải quyết các khó khăn do sự tóm gọn gay ra, chúng ta có thể dùng phương pháp khai triển toán học như vừa nêu trên, nhưng trên thực tế, kỹ thuật này vừa rắc rối vừa không cần thiết. Một kỹ thuật đơn giản hơn là phân tích mệnh đề thành những khớp luận lý của nó, ta gọi là “phân tích tuyến mục” .

Cách phân tích tuyến mục: Mỗi mệnh đề lớn được phân thành những mệnh đề nhỏ, mỗi mệnh đề nhỏ lại phân thành những mẫu nhỏ hơn. Mỗi mẫu nhỏ chứa một ý niệm, nhiều mẫu nhỏ hợp lại thành một mệnh đề nhỏ, và mệnh đề nhỏ này chứa một tư tưởng đơn giản. Nhiều mệnh đề nhỏ hợp lại thành mệnh đề lớn sẽ chứa một tư tưởng phức tạp. Các mẫu cũng như các mệnh đề đều được đánh số thứ tự ...

Bộ sách “Duy Dân Thảo Án Toàn Pho” được viết trong khoảng thời gian 2 năm (1943-1945) trong những điều kiện vô cùng khó khăn của cuộc cách mạng chống Pháp. Nếu ta nhớ lại rằng thời gian này (1943-1945) chỉ đủ để cho Ủy Ban Đặc Nhiệm của Hiệp Hội Triết Học Hoa Kỳ soạn thảo một bản báo cáo về đường hướng phát triển của triết học thì ta mới nhận thấy là dòng tư tưởng của Lý Đông A ào ạt như thác đổ và ông phải viết như điên như cuồng, không có thời giờ để soát lại bản thảo, nói chi đến việc sửa lại câu văn. Đó là lý do thứ 3 để văn Ông khó đọc.

* Cách đọc tài liệu Lý Đông A:

- Kỹ thuật đọc: Trong tập Chu Tri Lục-6, thỉnh thoảng ta gặp một số mệnh đề rất khó phân tích. Trong trường hợp này, ta theo phương pháp sau đây:

Phân tách bằng lý trí. Phương pháp này nếu thất bại dùng trực giác. Để cảm nhận ý nghĩa. Nếu câu văn không sáng tỏ, nên đọc lại cả đoạn văn để nắm được ý chính của cả đoạn, sau đó đọc lướt câu văn. Nếu vẫn còn tối nghĩa, hãy nhặt những chữ hoặc những mẫu nhỏ có ý nghĩa trong câu đó ra, và xếp chúng theo thứ tự. Bằng cách đọc lướt qua các chữ hoặc các mẫu nhỏ này, ta có thể sắp xếp chúng lại thành một câu có ý nghĩa theo quan niệm riêng của ta. Có thể tin rằng ý nghĩa này chính là ý nghĩa của Lý tiên sinh. Lý do là tư tưởng Lý Đông A thuận dòng với tư tưởng thời đại, hoặc đi trước thời đại, chứ không đi ngược với tư tưởng thời đại (*định luật tiến hóa chung của nhân loại áp dụng cho tư tưởng*).

Hãy Đọc LDA với tâm hồn khoáng đạt:

Muốn nắm được đúng ý của Lý tiên sinh phải đọc văn của ông với một tâm hồn khoáng đạt. Chẳng hạn khi ông nói : “Khinh thị chân như”, ta nên hiểu đó chỉ là cách nói “cường điệu” có giá trị cho đoạn văn đó thôi. Cũng như các thiền sư luôn

miệng nói: “Phùng Phật sát Phật”, cốt ý vẫn các đệ tử chó câu nệ hình thức. Cái mà LĐA khinh thị là việc *đem một ý niệm siêu hình là chân như làm nền tảng cho đời sống hiện thực của con người...*

* Trả lại LĐA cái gì của LĐA

Trong Chu Tri Lục-6 danh từ “Duy Dân” được nhắc tới nhiều lần, nhưng ý nghĩa của nó thay đổi tùy theo trường hợp nó mang ý nghĩa triết học, lịch sử hay chỉ danh tổ chức cách mạng của Lý tiên sinh.

*

IV/ CHÚ THÍCH DANH TỪ

Trong Tài Liệu của THÁI DỊCH LÝ ĐÔNG A

(Yài liệu tham khảo: Phần “*Chú Giải*” trong “*Chu Tri Lục*”, nhà xuất bản Gió Đáy ấn hành Xuân 4845 (1966))

A

Ác hóa : Trở thành xấu.

Athéisme: Vô thần.

Austerlitz : Ngày 2/12/1805, Nã Phá Luân I đánh bại quân. của hai nước Nga và Áo.

Ấn chứng: Dấu vết chứng minh.

B

Ba sinh: Ba kiếp (bởi chữ tam sinh). Theo thuật ngữ đạo Phật là ba kiếp luân hồi phải trải qua: kiếp trước, kiếp này và kiếp sau.

Ba tướng: Ba tướng tu trì của bậc Bồ Tát: Đỉnh, tuệ, xả.

Bách chân : Thật là đúng.

Bả ác : Nắm chặt trong tay, nắm giữ chặt chẽ.
Bản lai diện mục: Khuôn mặt thực.
Bản thể (nature): Hình trạng gốc.
Bản vị: Đơn vị hợp thành bởi các cơ năng.
Bàng hệ : Những cấp phụ thuộc.
Bảo chứng: (Security) An toàn, bảo đảm.
Bảo dụ : Lời lẽ quý báu của bậc trên.
Bạo đột: Bạo = mạnh bạo, đột = đột nhiên.
Biên thú: (biên thù)
Biện chứng pháp: Phương pháp đi tìm chân lý bằng biện luận.
Bình sản kinh tế: về nông nghiệp – quân điền; về công nghiệp thì quốc gia hóa, trên nhân bản sản nghiệp: quốc gia, địa phương, xã hội hợp tác, tư hữu (tiểu gia đình).
Blitzkrieg : Tiếng Đức có nghĩa là thiểm diện chiến (chiến tranh chớp nhoáng).
Bolchevisme: Theo kiểu cách của chủ nghĩa Bolchevik (Đệ Tam quốc tế Cộng sản).
Bố cu mẹ dãi: người dân bình thường.
Bộ Mệnh : Tiếng Mường chỉ việc hôn nhân tự do mà trong sạch.
Bộ sậu : Bộ : bước đi, sậu : bước nhanh của ngựa. Bộ sậu là chỉ sự việc tiến hành theo từng đoạn, từng lượt.
Bồ đề: Thuật ngữ trong đạo Phật nghĩa là giác ngộ hoàn toàn.
Bồ Tát: Tiếng Phạn là bodhisatvô tuyến truyền hình, tên một vị Phật đã đắc đạo nhưng hiện thân xuống cõi thế để độ chúng sinh.
Bối cảnh: (background) cảnh ngộ ràng buộc.

C

Cái khố của nguờ mẹ sinh ra: Hình ảnh được dùng phổ biến trong ngôn từ Thiền học là một biểu tượng để chỉ “bản lai diện mục” (khuôn mặt thực) cái bản thể bất biến trường tồn của mọi hiện tượng trong vũ trụ.
Cảm chiêu:
Cannae : Trên đất Apulia, 80,000 quân La Mã do Varro chỉ huy tấn công Hannibal, tướng giữ thành Carthage và 50,000 quân bị tiêu diệt (216 trước KT)
Cao thâm quy long: Thâm: sâu, quy tượng trưng kiến trúc của rùa, và long chỉ sức mạnh của rồng. Đó là bốn tầng công lao của Duy Dân.
Cao công: công tác chính trị, thâm công là tinh báo, quy công chỉ việc kiến trúc quốc phủ khu, kinh đô; long công chỉ chiến tranh.
Cạp bịn (DNCT): Dây sống lưng.
Cấu thức : Cấu : đúc kết; thức: công thức, phép tắc. Cấu thức (formule competente): những quy luật đúc kết để giảng giải.
Cấu tưởng: Tìm ý tưởng hay.

Chauvinisme: Chủ nghĩa yêu nước cực đoan.

Chân chính: Đúng thực.

Chân không: Thuật ngữ đạo Phật, chỉ cảm thức vũ trụ của người đã giác ngộ, vượt ra ngoài sắc tướng và ý thức.

Chân lý: Sự thật.

Chân lý tuyệt đối về 1 thực thể: Sự hiểu biết tận cùng, hoàn hảo vĩnh viễn và bất di bất dịch về thực thể đó.

Chân như: Chỉ cái tâm bản-thể của vũ trụ. (Chân = chân thực, không hư vọng; như = không biến đổi, không sinh diệt).

Chân tính: Tính bản nguyên chân thật mà mọi chúng sinh đều có.

Chế độ : Cai trị, phép tắc.

Chỉ tiêu: Leading aim

Chính thượng: Chính đáng và trên hết.

Chu tri lục: Chu = tròn nay, tri = hiểu biết. Lục = ghi chép. Đánh giá lại toàn bộ sự hiểu biết của nhân loại bằng bút pháp chính xác, cô đọng, tròn đầy.

Chủ chỉ : Ý nghĩa chủ yếu.

Chủng tử: Mầm hạt.

Chức năng: Vị trí ở đó mà có nhiệm vụ, mục đích.

Chưởng ác: Nắm chắc trong tay

Công bản: Tài nguyên căn bản thuộc quốc dân.

Công năng : Công việc chung.

Cổ lệ : Cổ võ và khích lệ

Cơ chuẩn : Phép tắc trọng yếu.

Cơ học nguyên lượng: (Quantum mechanics)

Cơ năng: Chức năng độc lập có thể hợp với chất khác tạo thành chất mới (thí dụ Hydro hợp với oxy thành nước).

Cơ năng hiến pháp: Kết cấu chính phủ và hành chính toàn quốc ví như thần kinh hệ của đời sống quốc dân. Hiến pháp phải sản sinh ra được các cơ cấu thích hợp cho sự hoạt động.

Cơ sở: Căn yếu và quan hệ.

Cực hạn tuyến (Extrême limits) giới hạn cùng cực.

Cương lĩnh: Dây to ở quanh lưới là cương; cổ áo là lĩnh. Muốn tung lưới phải cầm cương, muốn nặc áo phải cầm cổ áo. Cương lĩnh là chỉ

Cương thường: mối quan hệ giữa người với người.

Cứu cánh: Cùng cực, mục tiêu tối hậu.

Cửu cực : Dựa trên chỗ cao nhất.

D

Dân đạo : Đạo thống của mỗi dân tộc

Dân sinh : Đời sống thực tiễn hàng ngày của quốc dân.

Di chỉ : Dấu vật còn để lại.

Di hám : Không thoải ý, tiếc hận.

Di phong dịch tục : Đời đổi phong tục cho khác xưa.

Diễn hóa : Giảng rộng về sự thay đổi.

Diễn tiến xoáy tròn tròn ốc có nút:

Duy dân: Chữ Duy Dân và ý nghĩa của nó không phải chỉ bắt đầu từ khi cụ Phan Bội Châu lên tiếng: “Dân chẳng duy tâm, dân chẳng duy vật, dân chỉ duy dân.” Nó cũng không phải chỉ bắt đầu khi cụ Lý Đông A viết bộ “Chủ Nghĩa Nhân Chủ Duy Dân” mà thực sự “duy dân” đã có tự ngàn xưa và nếp sống Duy Dân đã thành hình khi loài người sống tụ thành dân tộc. Duy dân là dân tộc, là dòng sinh mệnh của một dân tộc với tất cả neap sống đặc thù của nó. Nó chính là dân tộc tính, dân tộc tình, dân tộc chí của một dân tộc.

Duyên trường : Kéo dài ra

Dựng dục: Dựng = gay nên, lập nên, một nghĩa khác là thai nghén; dục là nuôi. (Xã hội thời đại từng **dựng dục** cái lý tưởng của xã hội và thời đại sau.)

Dương Chu: Tên một triết gia tiếp thời Khổng Tử. Dương Chu chủ trương “vị ngã”, dù nhỏ một sợi lông mà lợi cả thiên hạ cũng không làm.

Đ

Đại biểu: Thay mặt cho một người hay một nhóm.

Đạo kỷ: Nguyên lý vận động nội tại của một thực thể. Định luật nội tại.

Đạo Trường Ngâm: Tên thi tập của Thái Dịch Lý Đông gồm 49 bài thơ sáng tác trong những năm 1943-1946 (4822 TV – 4825 TV).

Đảng vụ dung kinh : Dung là công lao, làm lụng; kinh là sách vở. chỉ chung các nguyên tắc hướng dẫn, hành động về công việc của đảng.

Đăng đường nhập thất : Tiến lean nhà trên rồi đi vào bên trong nhà. Ý nói học vấn đến bậc cao minh, sâu kín.

Đắc vị : Được đặt đúng vào vị trí phù hợp với tài năng, tư cách của mình.

Đắc ý vong ngôn: Được ý quen lời (chú vào ý tưởng, nội dung).

Đắc ý vong hình, tâm viên ý mãn : Được như ý thì quean hình, trong lòng dạ thỏa mãn.

Đặc bả : Trời phú cho có điểm đặc biệt.

Đặc biến: Biến đổi đặc biệt.

Đâu xuất: Tiếng nhà Phật, có nghĩa là tri túc, kỷ túc, diệu túc thượng túc, con người do hiểu thế nào là đủ nên mừng vui. Kinh Phật nói Đâu xuất là

tầng trời thứ tư nơi Phật Di Lặc ở và giáo hóa những người có thiện duyên.

Đồ bá : Tranh bá đồ vương.

Độ kinh : Đường đi có phép tắc, cung độ.

Độc lập siêu nhiên: Một quốc gia được độc lập siêu nhiên là khi quốc gia đó có thể đồng hóa được những thể hệ văn hóa khác. (Nói cách khác: Thu thập tinh hoa quốc tế thông qua đặc tính của dân tộc).

Độc thiện : Làm tốt lấy một thân mình.

Đối tượng : (Object)

Đột biến : Biến đổi đột ngột.

G

Gậy Thần: Theo truyện xưa Thánh Tản Viên được Long vương cho một gậy thần chín đốt, một đầu xanh (âm) và một đầu đỏ (dương),

H

Hải Đại : Yên một tỉnh thuộc Sơn Đông

Hàm dưỡng: Nuôi chứa (dưỡng) ở trong

Hán : Hán thủy (VSTL)

Hàng Châu :Kinh đô của nhà Nam Tống (1127-1279). Các vua Nam Tống lánh nạn nước Kim, đặt Hàng Châu làm nơi hành trại gọi là Lâm An phủ

Hắc ám: Đen tối.

Hiện thực : Có thực.

Hiển chi nhân, tàng chi dụng: Ngoài phô diễn điều nhân nghĩa, nhưng trong chứa cái tác dụng. Thấu qua phần hiển hiện để khám phá phần ẩn tàng.

Hiệu quả dự cầu: Kết quả như mong muốn.

Hiệu suất: Hiệu quả của sức sản xuất Hướng tâm vận động : Sự phản tỉnh của nhân loại quay về hình thức dân tộc vận động.

Hoa : Núi Hoa Sơn (VSTL)

Hoài điệu: Viếng nhớ.

Học phương : Phương thức học tập.

Hỗ tương: Cái nọ đối với cái kia.

Hội quan: Cùng xem xét.

Hội sư : Tập trung các đoàn quân lại một nơi để sửa soạn đánh nhau.

Hướng thượng: Hướng lên trên, Ý nói vươn lên cao.

Hữu đức giả hữu thổ: Kẻ nào có đức thì có đất (để cai trị).

Huyễn ảnh : Cảnh tượng không thực mà tưởng lầm là thực

Huyền nhiệm : Mầu nhiệm.

Hưng diệt kế tuyệt: Gây dựng lại cái đã bị diệt, nối lại cái đã bị đứt.

Hưng trung thành trực : Thẳng thắn thực lòng gay doing lại.

Hữu đức giả hữu thổ: Kẻ nào có đức thì có đất (để cai trị). (Biểu dương tâm địa bá quyền)

Hữu thần : Théisme (Tin có thần linh, thượng đế)

Huyết hoa : Hoa của đạo lý.

.

K

Kẻ xã chính sách: (urbanisme): nguyên tầng hóa đô thị với nông thôn, sự sai khớp giữa thành thị với nông thôn không còn nữa.

Kế vãng khai lai: Nối về trước mở ra tương lai.

Kinh nghiệm luận (Pragmatime):

Khai phóng: Mở rộng.

Khai tịch: Nói về lúc mới có trời đất.

Khả mông : Mở mang cái tối tăm, ngu dốt. Khống chế: (Keep under control) Làm mất hết tự chủ.

Khẳng định: Định chắc, quả quyết.

Khẩu luân: Vòng ăn nói.

Khế hợp : Đúngn ý với nhau.

Khí vũ : Chí khí và vũ lực.

Khoái hoạt : Vui thú

Không tịch: trống không, lạng lẽ.

Khởi dụng: Dựng lại mà dùng

Khuy du : Khuy : dòm; du : đào tường khoét gạch. Dòm ngó để chờ cơ hội ăn cướp, ăn trộm Kiên bạch dị đồng:

Kiên bạch dị đồng: Vững lòng không thay đổi.

Kiên bích thanh dã: Đồng không thành vững.

Kiến chế: Kiến thiết và chế tạo (Phân phối lại tình trạng cư ngụ và sản xuất của dân chúng phù hợp với nền kinh tế mới.

Kiến giải: Sức hiểu biết.

Kiện khang: khỏe mạnh.

Kim dong tư bản: Kim dong: sự lưu hành tiền tệ. Trong chế độ tư bản, ngân hàng phối hợp với tư bản công nghệ bằng cách tín dụng và đầu tư tạo thành thế độc chiếm bá quyền kinh tế.

Kinh hằng: Luôn luôn có, không thay đổi.

Kinh kỷ : Môi giới, trọng tài cho có kỷ cương, trật tự.

Kinh sinh : Sinh khí mạnh mẽ.
Kinh thường: Cùng nghĩa như thường xuyên.
Kinh vĩ: Kinh độ và vĩ độ. Kiến giải : Sự hiểu biết.
Kỷ hà học: Khoa học dạy về thể tích.

L

Lao tác : Công việc khó nhọc phải dùng sức.
Lập mệnh : Gây doing sinh mệnh
Lịch lãm: Xem ngắm (tùng trải) nhiều nơi.
Liễu giải : Giảng cho hiểu rõ.
Linh lạc : Linh = cây cỏ khô héo, lạc : cây khô lá rụng. Linh lạc chỉ suy bại.
Linh Thúu: Tên một núi ở Trung Ấn Độ, nơi Thích Ca từng thuyết pháp.
Lộ tuyến: Đường đi.
Lục độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, trí tuệ, thiền định và tinh tiến.
Luân khoách: Luân = bánh xe, khoách = vành. Giới hạn lãnh vực
Lục hòa: Sáu niềm kính ái, hòa chung của các tầng ni (Giới hòa, kiến hòa, lợi hòa, thân hòa, khẩu hòa, ý hòa.)
Lừa ba chân: Ví bốn tướng của con người là sinh, lão, bệnh tử; nhưng “sinh ký vô, lão bệnh tử phi hữu, dĩ hà nhi sinh?” Sinh đã là không thì lão, bệnh tử do đâu mà sinh? Cho nên nói chỉ còn 3 chân, ví như lean núi cao bằng con lừa ba chân.
Lý tắc phối hợp : Hợp với lý lẽ.
Lý tắc nhất quán: Lý luận nhất trí từ đầu tới cuối (nhất quán: một chuỗi).
Lý tính : Khả năng phân biệt phải trái, khả năng nhận thức tiên thiên (raison)

M

Mạt na thức (Rémipiscence?): Hiện tượng hồi cố Mê cung (labyrinthe): Vòng mê hoặc.
Mi hệ : Mi là trói buộc, hệ là mắc vướng. Mi hệ: trói buộc.
Mi phọc : Cùng nghĩa như mi hệ (phọc : lấy giầy mà buộc).
Mịch La: Tên một con sông ở Trung Quốc. Theo sự tích Trung Hoa, Khuất Nguyên vì thất chí đã tự vẫn tại sông Mịch La.
Môn hộ khai phóng: Mở rộng cửa ngõ.
Môn tường chi ngoại : Môn tường : cửa nhà thầy dạy. Hiểu biết phần bên ngoài mà không rõ nội dung.

N

Năm cánh kỷ hà: Ngôi sao năm cánh vẽ theo hình học. Nguyên trung tâm trên mặt trống đồng có hình mặt trời với nhiều tia chiếu.

Ngẫu tượng: Nhiều người dùng lẫn với thần tượng.

Ngoại tẩm: Ở ngoài thấm vào.

Ngu lạc : Vui thú (nói về tác dụng của nhân tính)

Ngũ hồ : Một thuyết cho “ngũ hồ” là Thái hồ với hồ phụ can là Tư hồ, Lãi hồ, Thao hồ, Hách hồ,. Một thuyết cho ngũ hồ là Cống hồ, Tư Hồ, Du hồ, Lương hồ, Kim đỉnh hồ.

Ngũ Lĩnh : Dãy núi ở phía Nam làm giới tuyến cho Giao Chỉ (tiếng của Hán tộc chỉ chỉ đất nước của người Việt và Hợp Phố. Sách Quảng Châu Ký họ Bùi chép: Đại Dữu, Thủy An, Lâm Phụ, Quế Dương, Yết Dương là Ngũ Lĩnh.

Ngũ Nhạc : Gồm Thái Sơn (Đông nhạc), Hoa Sơn (Tây nhạc), Hoắc sơn (Nam nhạc), Hằng sơn (Bắc nhạc), Tung sơn (Trung nhạc). Hoắc sơn là tên xưa của Hành sơn.

Nguyên tắc :Phép gốc để làm lệ chung.

Nhân luân : Luân lý loài người

Nhập lý xuất sự: Vào lẽ ra việc (ứng dụng)

Nhập nhĩ xuất khẩu: Vào tai ra miệng (vô ích).

Nhập nô xuất chủ: Vào tớ ra thầy (cách học làm chủ mình)

Nhất như (Identification) : Như một.

Nhất quán liên hệ : Liên quan chặt chẽ với nhau.

Nhõn quang : Chỉ năng lực phân biệt phải trái.

Nhu yếu: Nhu cầu và cần cấp

Như Lai tạng thức: Cái thức trong sạch, cái chân tâm vô thủy vô chung của vạn vật và chúng sinh.

Như lai tạng: Thể sống tối viên mãn

Nọa lực (inertic) : Sức cản trở, làm bất động.

Non Côn: Núi Côn Luân Nội tinh ngoại chiêu: Xét trong lòng mình để nhận lỗi đối với người.

Nội tinh ngoại chiêu : Nội tinh: xét trong lòng mình, ngoại chiêu : đối ngoại nhận tội lỗi của mình.

Núi Thu Tinh:

Núi Viêm Phương : Núi Nam.

P

Phàm thần (Panthéisme): Cũng gọi là phiếm thần. Cho rằng trời tức là tất cả vũ trụ, vain vật và tất cả vũ trụ tức là trời.

Phạm trừ : Các vật thể cùng chung một tính chất, xếp Chung một loại. (catégorie).

Phản hưởng : Tiếng dội lại.

Phản quang: Chiếu dọi trở lại.

Phản tỉnh: Tỉnh ngộ trở lại.

Phát dương: Làm cho mạnh mẽ

Phát hoạch :Kết quả thu lượm sau khi tìm tòi, nghiên cứu.

Phân bố : Bày đặt từng chỗ cho thích nghi.

Phân liệt (sécession): Phân tán (chia ra), chia rẽ phân ly.

Phân phong : Chia đất và phong chức.

Phấn sức: Gắng cho đẹp thêm

Phổ thiên chi hạ mạc vương phi thổ: Khắp cõi đất dưới gầm trời chẳng đâu là không phải đất của

nhà vua (biểu dương dã tâm bá quyền của nền quân chủ Tàu.

Phục hoạt : Hoạt động trở lại.

Phục hưng : (Renaissance) Đã suy rồi hưng lại

Q

Quán suốt: Thông suốt với nhau.

Quán thông: Thông suốt.

Quán tưởng (contemplation):

Quảng phẩm: Rộng rãi và không rõ rệt.

Quân đẳng: Chia đều nhau.

Quốc tế biên tế phát triển: Phát triển bờ cõi quốc tế (?) Quy củ: (Khuôn tròn thước vuông) ý chỉ mẫu mực.

Quy hoạch: Trù tính mưu kế.

Quy luật: Khuôn phép dạy bảo.

Quy phạm hành động: Phép tắc trong việc làm.

S

Sách Hóa: Theo truyện xưa thánh Tản Viên được Long Vương trao cho quyển sách ước (sách hóa) 3 tờ trắng tinh để ước sao được vậy,

Sai sử : Sai khiến

Sao Tất: Tên một vì sao.

Sái tảo : Đào tạo, huấn luyện không làm cho rối loạn khi ứng đối.

Sắc tướng: Chỉ thế giới hiện tượng, gồm tất cả chúng sinh.

Sedan : Ngày 1/9/1870 Phổ đánh bại Pháp. Hoàng đế Nã Phá Luân III phải đầu hàng

Siêu nhiên: Không bị lệ thuộc vào tư tưởng siêu hình.

Sinh mệnh thực thể : Dòng sống hiện thực.

Sinh tri (sinh nhi tri chi, học nhi tri chi, khốn nhi tri chi, cập kỳ tri giả nhất dã = 3 bậc: sinh ra đã biết, có học mới biết, học khốn học khổ mới biết, cuối cùng rồi cũng biết vậy.)

Stakhanovisme : Chủ trương thi đua làm việc cho thêm hiệu quả và đoạt giải thưởng do A Stakhanov đề xướng ở Nga năm 1935 cũng nhằm mục tiêu như Taylorisme.

Súc tích: Chứa dành được nhiều.
Sung thực : Đưa vào đầy đủ.
Suy quảng : Suy cho rộng ra
Sử mệnh: Dòng sống sử.

T

Tái kiến : Gây doing một lần nữa.
Tam Tạng: Ba kho kinh điển của nhà Phật: Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng.
Tam thế Phật: Phật quá khứ (Phật A Di Đà), Phật hiện tại (Phật Thích Ca), Phật tương lai (Phật Di Lặc).
Tán dục (Tán thiên địa chi hóa dục): Tài bồi
Tàng ư cửu địa chi hạ, động ư cửu thiên chi thượng: Chứa ở dưới chín lớp, động ở trên chín tầng trời.(Tôn Ngô Bình Pháp).
Taylorisme: Chủ trương hợp lý hóa công việc do F.W. Taylor đề xướng (1900)
Tạo nghệ : Tạo tài năng.
Tâm lý bình diện: Tâm lý mặt phẳng, tức là tâm lý trên tầng ý thức và biểu lộ các hồ tương tác động hiện hữu.
Tẩm nhuận :Thấm vào dần dần.
Tập đoàn an toàn: Tập trung thành một khối để được an toàn chung.
Tất tu : Nhất định phải can đến.
Terrorisme: chủ nghĩa khủng bố.
Tha hóa: Đã thay đổi khác.
Tha nhân : Người khác.
Thác loạn: Loạn trí, cuồng điên.
Thái sơn : Một trong ngũ nhạc thuộc Âm sơn hệ, khởi từ tỉnh Sơn Đông, Giao Châu chạy về phương Tây đến Vận Hà. Ngọn cao nhất ở phía Bắc huyện Thái An.
Thác thực quốc sách: Chính sách của quốc gia nhằm mở đất mới cho quốc dân.
Thành quân : Vặt với tâm bình hành và thống nhất.
Thành thực: Thành thuộc (thông suốt).
Thánh giáo : Giáo dục của bậc cao nhân như bậc thánh

Thăng hoa : Hiện tượng vật lý khi vật ở cố thể biến thành hơi hoặc ngược lại. Sự tiến lên cõi trác tuyệt.

Thăng nghĩa: Chính nghĩa tất thắng..

Thấm thấu: Ngấm kỹ vào.

Thế hệ đặc biệt : Thế hệ biến đổi theo tính cách đặc biệt.

Thể nghiệm: Kinh nghiệm cụ thể.

Thích tính: Thích hợp với bản tính, sở thích của mỗi người.

Thiểm diện chiến (Blitzkrieg)

Thiên ký phát triển : Phát triển leach laic, không đúng.

Thiết giáo: Sự đào tạo chính của quốc gia đối với nhân dân bằng giáo dục.

Thiếu Thất: Một ngọn phía Tây núi Tung Nhạc thuộc tỉnh Hà Nam, ở đây có chùa Thiếu Lâm, nơi Đạt Ma chín năm ngồi quay mặt vào vách rồi truyền pháp cho Tuệ Khả (Tổ thứ hai dòng thiền Trung quốc).

Thôi tróc (sommambôlisme)?

Thông chúng : Chúng có thường thấy và mọi người chấp nhận.

Thông luận : Bàn bạc thông suốt.

Thuế biến : Biến đổi theo lối lột xác (như sâu trở thành bướm).

Thủ tại tứ di: Giữ uy quyền đế quyền Trung quốc ở bốn phương Di Địch (Đông Di, Tây Nhung, Nam Man, Bắc Địch) bằng các cách trên.
“Dĩ văn hóa phú tứ di”, Tứ Di = Nòi Hoa cho các giống bốn phương là man rợ (Bắc Địch, Nam Man, Đông Di, Tây Nhung). Nòi Hoa luôn tuyên bố đem văn hóa khai hóa cho các sắc dân khác.

Thủ uyển:

Thúc phọc: Buộc lại thành bó.

Thủy chuẩn : Mực nước làm chuẩn

Thủy tạo, kế tạo, thành tạo: Những đức tính ban đầu (tiên nhiên) nhờ công trình tu học (cải tạo, kế tạo), để đến mức thành thục (thành tạo).

Thực tại: Hiện có thật, trái với không tưởng.

Thực tiễn : Đứng trên cái thực mà làm

Thường hằng: Thường xuyên, luôn luôn.

Tịch chiếu: Ánh tà dương chiếu buổi chiều.

Tiềm di mặc hóa: Dẫn đả vì ảnh hưởng chung quanh.

Tiềm tại : Âm thầm, kín đáo.
Tiệp kinh: Con đường đi nhanh tới.
Tiết thứ: từng đoạn, từng lượt.
Tiêu chuẩn: Cơ sở để định giá trị.
Tinh chỉ: Chỉ tiêu sáng suốt
Tĩnh độ : Đến độ khéo léo, sáng suốt
Tinh chỉ chế độ : Chế độ co chỉ tiêu sáng suốt
Tinh thể (l'essence) : Nguyên thể, bản chất.
Tịnh hóa (purification): Làm cho trong sạch (thánh tẩy).
Tông miếu: Nơi thờ tổ tiên nhà vua và các vua đã mất.
Tổng nghiệp (cộng nghiệp): nghiệp chung của xã hội người. (Văn hóa là tổng nghiệp của loài người trong dòng sống.)
Trang dụng: Dùng cách nào cốt ý để phô trương,
Trầm tưởng: Suy tưởng trầm lặng.
Trầm triệu: Điềm, triệu chứng.
Trận doanh: Lãnh vực đối tác
Trì cứu chiến: Chiến thuật kéo dài thời gian,
Tri hành: Biết và làm.
Tri hành, chế độ, luân lý và kinh tế là 4 loại vấn đề : Biết và làm – phép tắc cai trị – luân lý loài người – chấp hành nhân sinh.
Trình tự : Trình : chặng đường đi. Các đoạn đường lần lượt phải đi qua.
Trống quân: Một loại hát bội vấn đáp giữa nam và nữ, khuyến khích họ giải bày tình cảm, qua các bài hát tựa như dân ca trong không khí vui vẻ của hội hè vào những đêm trăng sáng đẹp. Hát trống quân rất bình dân tại nông thôn ở các tỉnh từ Thanh Hóa ra ngoài Bắc Việt. Những người hát phần đông là trai gái đến tuổi thành hôn , đi hát hội hè để tìm người tâm đầu ý hợp, ước định tương lai.
Truy bản cùng nguyên : Truy đến tận gốc.
Trường Sa: Tên một huyện thuộc tỉnh Hồ Nam (Trung quốc).
Tu Di (Palmyra): Địa danh thuộc phía Tây Trung Hoa.
Tuần tuyên văn giáo: Đem văn giáo Trung quốc tuyên dương nhiều nơi.

Tung hợp : Như chữ tổng hợp thường dùng

Tuyển mục : Sợi dây và mắt. Đây chỉ những đoạn phân chia quan trọng trên một sợi dây chuyền lý luận

Tuyệt đối luận (Dogmatisme)

Tự kỷ ám thị (autosuggestion):

Tử kỹ nguyên nhân (La cause en soi): Nguyên nhân chính nơi nó.

Ư

Ưu du: Đầy đủ, không thiếu.

Ưu việt: Vượt hơn (Ưu = hơn, tốt; việt = vượt).

V

Văn hóa hiệu suất: Nói về thành quả

- hạnh phúc vật chất
- khoái lạc tinh thần
- ổn định lý trí
- kiện kháng sinh lý
- sáng suốt trí tuệ
- hợp lý hành vi.

Vấn tưởng vi mang (Huyết Hoa) :

Viễn độ giáo trình: Chương trình giáo dục sắp đặt theo một trình tự dài hạn.

Vô giác: Còn mê tối, chưa giác ngộ.

Vô nguyên: Vũ trụ vô nguyên = Vũ trụ khởi đầu là hạt nguyên tử nguyên thủy (?); Trước lúc khởi đầu (big bang) không có thời gian nên sự suy luận chấm dứt ở đây. Ý nghĩa của chữ vô nguyên là như vậy.

Vô thần (athéisme) :

Vô thượng : Cao hơn hết (không có gì ở trên nữa).

Vô tri luận (agnosticisme) :

Vu miệt: vu khống và miệt thị
Vô tri : Cách nói “bất khả tri luận”.

X

Xã hội tự tính : Đạo kỹ của con người về phương diện xã hội chính là “xã hội tự tính”. Nó là nguyên động lực thúc đẩy con người tập hợp thành xã hội.

Xã tắc: Nền tế trời đất.

Xí đồ (xúy đồ): Mưu tính.

Xuất lộ: xuất = ra, lộ = đường

Xung khắc: Không hợp nhau Xúy đồ : Mưu tính (xâm lăng của nòi Hoa).

Y

Y: áo.

“Thần cơ đưa dắt đường tam hiểm

Y bát trao truyền vận thất khai.”

(Thần cơ = cơ mưu huyền bí mầu nhiệm. Tam hiểm: thiên hiểm, địa hiểm và nhân hiểm. Y bát = áo và bát đựng thức ăn cúng dường của nhà tu Phật giáo)

Ỗ tha: Dựa vào cái khác.

Ý ngựa lòng vượn (Mã ý viên tâm): Lòng phóng túng, hung hăng như ngựa vượn.

Ý thức dĩ hạ: Chỉ phần lý thuyết.

Ý thức dĩ thượng: Chỉ phần thực tế.

Yếu chỉ : Ý nghĩa trọng yếu.

Yểm hộ: Trợ giúp.

*

